|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH TRÀ VINH  **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  Số: /BC-SKHĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Trà Vinh, ngày tháng năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động việc ban hành quy định một số chính sách**

**hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Qua hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh *(Nghị quyết số 11)*, đã tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư. Tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đã đạt nhiều kết quả tích cực, số nhà đầu tư đến tìm hiểu môi trường đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư và đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh có nhiều tín hiệu khả quan, qua đó thu hút được nhiều dự án đầu tư phù hợp với định hướng phát triển, tiềm năng lợi thế của tỉnh, đặc biệt là các dự án trên lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng tái tạo, may mặc… giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động địa phương và đóng góp tích cực cho ngân sách.

Qua đó, nhiều công trình, dự án đầu tư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sau khi Nghị quyết số 11 ban hành, tỉnh đã thu hút đầu tư được 248 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 34.791 tỷ đồng và khoảng 521 triệu USD *(trong đó có 229 dự án trong nước với vốn đăng ký 34.791 tỷ đồng và 19 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 521 triệu USD),* giải quyết việc làm cho 14.000 lao động. Các dự án đầu tư được phê duyệt chủ yếu là thuộc lĩnh vực sản xuất năng lượng, giày da, may mặc, chế biến thủy sản như: Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải, các dự án điện gió, Nhà máy sản xuất của Cty TNHH TM&SX Bảo Tiên, Nhà máy chế biến thủy sản Thông Thuận Trà Vinh, Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong... góp phần giải quyết việc làm, tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và các quy định pháp luật có liên quan đã được ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động đăng ký đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh... Từ đó, qua rà soát nhận thấy Nghị quyết số 11 có nhiều điểm không còn phù hợp với luật định. Mặt khác, do điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên trong quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư chưa đầy đủ các lĩnh vực phát triển trọng tâm của tỉnh. Theo đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư ban hành kèm theo Nghị quyết số 11 của tỉnh vẫn chưa thật sự đáp ứng kỳ vọng cũng như chưa tạo được sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã xác định rõ các chương trình, đề án, lĩnh vực mang tính đột phát, thể hiện quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong toàn tỉnh nhằm tạo ra sự phát triển mạnh mẽ trong nhiệm kỳ 2021-2025: ***‘‘Phấn đấu Trà Vinh đạt chuẩn Nông thôn mới trước năm 2025, là tỉnh phát triển trong nhóm đầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2030’’***, đề ra mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm đạt từ 10 - 11%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 05 năm đạt 160.000 tỷ đồng; số doanh nghiệp thành lập mới trong 05 năm 2.500 doanh nghiệp; thu ngân sách (thu nội địa) bình quân hàng năm tăng 12%/năm.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI là “đột phá về cải cách hành chính, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và tạo quỹ đất để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp”; Kế hoạch số 145-KH/TU ngày 23/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh về tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phát năm 2020 và những năm tiếp theo, trong đó đã đưa ra nhiệm vụ tập trung đột phát cơ chế, chính sách nhằm thu hút tối đa các nguồn lực phát triển nhanh, bền vững kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thương mại – dịch vụ, du lịch và phát triển nguồn nhân lực. Để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm này, giai đoạn 2016 - 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã hành Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đã qua 03 lần sửa đổi, bổ sung *(tại Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 và Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020).*

Tuy nhiên, các Nghị quyết trên còn thiếu nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư toàn diện để thu hút các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng trong và ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn... như nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đã xác định, cần phải có các giải pháp mang tính đột phá trong thu hút đầu tư và xã hội hóa đầu tư để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước. Vì vậy, việc nghiên cứu ban hành thay thế Nghị quyết số 11, với nhiều cơ chế chính sách toàn diện, vừa phù hợp với quy định của pháp luật, vừa khuyến khích, hỗ trợ và tạo động lực cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh góp phần khai thác lợi thế của tỉnh, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thu hút lao động, tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu ngân sách cho tỉnh là điều hết sức cần thiết.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

**a) Mục tiêu chung:**

Quy định chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là văn bản thể hiện chính sách riêng của tỉnh Trà Vinh nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc tạo môi trường thông thoát, sức hút hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước, huy động các nguồn lực đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương, hiện thực hóa các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra.

**b) Mục tiêu cụ thể:**

- Thay thế Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 và Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020.

- Quy định chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, tạo động lực và khuyến khích, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1:** **Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng**

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Hiện nay, tỉnh quy hoạch nhiều khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư thuộc lĩnh vực xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp để tạo mặt bằng thu hút các dự án sản xuất kinh doanh. Nhằm tạo điều kiện và hỗ trợ thu hút nhà đầu tư vào lĩnh vực này, việc hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh cho nhà đầu tư để xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí đáng kể cho nhà đầu tư.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Vấn đề cần giải quyết của chính sách là hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước; đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế.

+ Tác động tích cực: Tạo cơ chế rõ ràng để hỗ trợ và khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế của tỉnh.

+ Tác động tiêu cực: Không

- Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách: Các cơ quan chuyên môn của tỉnh trực tiếp thực hiện công tác hỗ trợ nhà đầu tư.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh bố trí hàng năm; có sự đối ứng của các nhà đầu tư tham gia.

**2. Chính sách 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án**

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Hiện nay, tỉnh quy hoạch nhiều khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế, cụm công nghiệp nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư thuộc lĩnh vực xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp để tạo mặt bằng thu hút các dự án sản xuất kinh doanh; việc thu hút các dự án sản xuất sản phẩm ứng dung công nghệ cao rất còn hạn chế, cũng như việc phát triển chợ ở khu vực nông thôn cũng găp khó khăn. Nhằm tạo điều kiện và hỗ trợ thu hút nhà đầu tư vào các lĩnh vực này, việc hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh để hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào của dự án sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí đáng kể cho các nhà đầu tư.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Vấn đề cần giải quyết của chính sách là hỗ trợ nhà đầu tư thuộc các lĩnh vực: Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp các khu chức năng trong khu kinh tế; đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; xây dựng, phát triển hạ tầng cụm công nghiệp; sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích phát triển; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Trong hàng rào dự án

- Điều kiện hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ  
cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.

- Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 3% tổng mức đầu tư dự án để xây  
dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án. Tổng mức hỗ trợ  
không quá 03 tỷ đồng/dự án.

b) Ngoài hàng rào dự án:

- Đối với dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp phù hợp với tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thuộc danh mục lĩnh vực hoặc danh mục địa bàn khuyến khích đầu tư, ngân sách tỉnh sẽ đầu tư xây dựng đường giao *thông (bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)* dẫn đến chân hàng rào của dự án và được triển khai kịp thời với thời gian triển khai dự án của nhà đầu tư. Các công trình cấp điện, cấp nước,… các đơn vị chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư.

- Đối với nhà đầu tư đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông *(bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)*, điện trung thế, cấp nước từ điểm đầu nối đến chân hàng rào của dự án để xây dựng các công trình trên.

c) Nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn theo quy hoạch, sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng được hỗ trợ như sau:

- Vốn đầu tư từ trên 02 tỷ đồng đến 04 tỷ đồng được hỗ trợ 200 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ trên 04 tỷ đồng đến 07 tỷ đồng được hỗ trợ 300 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ trên 07 tỷ đồng được hỗ trợ 400 triệu đồng.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế; sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích phát triển; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn.

+ Tác động tích cực: Tạo cơ chế rõ ràng để hỗ trợ và khuyến khích các nhà đầu tư hoạt động thuộc các lĩnh vực như đã nêu trên. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào của dự án.

+ Tác động tiêu cực: Không.

- Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách: Các cơ quan chuyên môn của tỉnh trực tiếp thực hiện công tác hỗ trợ nhà đầu tư.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh bố trí hàng năm; có sự đối ứng của các nhà đầu tư tham gia.

**3. Chính sách 3: Hỗ trợ tuyển dụng; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Nhà đầu tư có nhu cầu tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch về cơ cấu tuyển dụng, liên hệ với cơ quan chức năng để được cung cấp thông tin về nguồn lao động tại địa phương và tư vấn về việc tuyển dụng lao động. Thiết lập mối quan hệ với các địa phương, các cơ sở đào tạo giúp cho nhà đầu tư tuyển dụng lao động và hoàn thành việc đào tạo theo yêu cầu. Hàng năm, tỉnh ban hành kế hoạch hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động cho nhà đầu tư là cần thiết.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Vấn đề cần giải quyết của chính sách là hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh để hỗ trợ các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh trong tuyển dụng lao động, đào tạo lao động theo nhu cầu hoạt đông của dự án.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Hỗ trợ tuyển dụng lao động:

Nhà đầu tư thực hiện tuyển dụng lao động được hỗ trợ 50% chi phí thông tin, thông báo tuyển dụng lao động trên Đài phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, Đài truyền thanh cấp huyện. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án đầu tư.

b) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Đối với dự án đầu tư sử dụng thường xuyên từ 50 lao động đến dưới 5.000 lao động, hoặc từ 25 lao động nữ trở lên, hoặc từ 10 lao động là người dân tộc thiểu số trở lên, nếu có nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động, phát triển nguồn nhân lực, nhà đầu tư xây dựng kế hoạch đào tạo và đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo sẽ được hỗ trợ đối với từng trường hợp sau khi được đào tạo hoàn thành khóa học; mỗi dự án chỉ được hỗ trợ 01 *(một)* lần và mỗi lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo 01 *(một)* lần, cụ thể như sau:

+ Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề trong tỉnh có thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 1.500.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 *(ba)* tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 750.000 đồng/người. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 350.000.000 đồng/dự án.

+ Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp kết hợp với cơ sở dạy nghề tự đào tạo tại chỗ: có thời gian đào tạo từ 03 (ba) tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 750.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 *(ba)* tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 500.000 đồng/người.Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 200.000.000 đồng/dự án.

- Đối với dự án đầu tư sử dụng thường xuyên trên 5.000 lao động, được Nhà nước hỗ trợ đối với từng trường hợp sau khi được đào tạo hoàn thành khóa học, cụ thể như sau:

+ Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề trong tỉnh có thời gian đào tạo từ 03 *(ba)* tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 1.500.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 *(ba)* tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 750.000 đồng/người. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 550.000.000 đồng/dự án.

+ Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp kết hợp với cơ sở dạy nghề tự đào tạo tại chỗ: có thời gian đào tạo từ 03 *(ba*) tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 750.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 *(ba)* tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 500.000 đồng/người. Tổng kinh phí tối đa không quá 300.000.000 đồng/dự án.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề và địa bàn ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ Tác động tích cực: Tạo cơ chế rõ ràng để hỗ trợ nhà đầu tư trong tuyển dụng và đào tạo lao động đảm bảo nhu cầu, chất lượng để phục vụ cho mục tiêu của dự án.

+ Tác động tiêu cực: Không.

- Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách: Các cơ quan chuyên môn của tỉnh trực tiếp thực hiện công tác hỗ trợ nhà đầu tư.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh bố trí hàng năm; có sự đối ứng của các nhà đầu tư tham gia.

**4. Chính sách 4: Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước**

4.1. Xác định vấn đề bất cập:

Cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động không đảm bảo về môi trường, gây ồn ào,… thực hiện di dời theo quyết định của cơ quan Nhà nước vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Việc hỗ trợ chi phí di dời đối với các cơ sở này là cần thiết.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Vấn đề cần giải quyết của chính sách là hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh để hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh về chi phí tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị máy móc và nhà xưởng; hỗ trợ ổn định đời sống cho người lao động trong thời gian tạm ngưng hoạt động sản xuất; hỗ trợ di dời sớm; hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã di dời.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị máy móc và nhà xưởng: Theo thực tế, nhưng không vượt quá mức quy định sau:

- Đối với nhóm ngành chế biến hải sản, sản xuất nước đá, xay xát lương thực 70 triệu đồng/doanh nghiệp; 30 triệu đồng/hộ kinh doanh;

- Đối với nhóm ngành còn lại được hỗ trợ 30 triệu đồng/doanh nghiệp; 10 triệu đồng/hộ kinh doanh.

b) Hỗ trợ ổn định đời sống cho người lao động trong thời gian tạm ngưng hoạt động sản xuất: Các cơ sở, doanh nghiệp di dời được ngân sách hỗ trợ một lần bằng với mức lương cơ sở nhân với tổng số lao động có thời gian làm việc thường xuyên từ 03 tháng trở lên *(phải có đăng ký trước).*

c) Hỗ trợ di dời sớm: Hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tích cực thực hiện sớm việc di dời trong 06 tháng kể từ khi có quyết định di dời theo mức 40 triệu đồng/doanh nghiệp và 20 triệu đồng/hộ kinh doanh.

d) Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã di dời vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế (hỗ trợ sau khi đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 30% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 (hai) năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp và không quá 100 triệu đồng/hộ kinh doanh. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất của các Ngân hàng thương mại Việt Nam.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động phải thực hiện di dời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

+ Tác động tích cực: Tạo cơ chế rõ ràng để hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh tuân thủ thực hiện việc di dời theo quy định.

+ Tác động tiêu cực: Không.

- Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách: Các cơ quan chuyên môn của tỉnh trực tiếp thực hiện công tác hỗ trợ nhà đầu tư.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh bố trí hàng năm; có sự đối ứng của các nhà đầu tư tham gia.

**5. Chính sách 5: Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, giới thiệu sản phẩm**

5.1. Xác định vấn đề bất cập:

Trong xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, ngoài các cơ quan nhà nước là đơn vị làm công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư, quảng bá sản phẩm của tỉnh đến các tổ chức, cũng như thị trường trong và ngoài nước, nhất thiết cần có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân cùng tham gia. Việc tham gia của các tổ chức, cá nhân này trong hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch của tỉnh là cần thiết.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Vấn đề cần giải quyết của chính sách là hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh để hỗ trợ nhà đầu tư, các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh về kinh phí xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch, giới thiệu sản phẩm.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay khứ hồi (hạng phổ thông) cho 01 người/nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhà đầu tư nước ngoài hoặc các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được Ủy ban nhân dân tỉnh mời làm đầu mối tham gia cùng đoàn của tỉnh đi xúc tiến đầu tư nước ngoài.

b) Hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư là cơ sở sản xuất sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP hoặc sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đang hoạt động trên địa bàn tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm, tìm kiếm, mở rộng, phát triển thị trường, cụ thể như sau:

- Nếu được Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài thì được hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng nhưng phải được cơ quan chuyên ngành về xúc tiến thương mại thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/năm.

- Khi tham gia các cuộc hội chợ, triển lãm trong nước được tỉnh hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng và chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ, triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/năm.

- Hỗ trợ 70% vé máy bay khứ hồi (hạng phổ thông) 01 lần/năm cho nhà đầu tưchế biến thịt, cá, rau, củ, quả, thức ăn chăn nuôi đi khảo sát, tìm kiếm phát triển thị trường tại nước ngoài phù hợp với ngành nghề. Số người được hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng website, đăng ký sản phẩm trên sàn giao dịch điện tử tối đa không quá 10 triệu đồng.

- Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng điểm bán hàng với tên gọi “Tự hào Hàng Việt” *(ưu tiên hàng hóa sản xuất tại tỉnh Trà Vinh)* tối đa không quá 80 triệu đồng/điểm, mỗi huyện 01 (một) điểm bán hàng, mỗi thị xã, thành phố không quá 02 (hai) điểm bán hàng *(ưu tiên hàng sản xuất tại Việt Nam).*

c) Hỗ trợ kinh phí xúc tiến du lịch:

Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng điểm trưng bày sản phẩm quà tặng du lịch (bao gồm chi phí xây dựng nhà, kệ, tủ, biển hiệu) nhưng không quá 100 triệu đồng/điểm tại các điểm du lịch nằm trong quy hoạch của tỉnh. Ngoài ra mỗi huyện, thị xã, thành phố sẽ được hỗ trợ thêm không quá 02 (hai) điểm trưng bày.

d) Hỗ trợ giới thiệu về sản phẩm

- Hỗ trợ miễn phí trong việc quảng cáo, giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp, sản phẩm trên Trang thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh *(tại địa chỉ https://travinh.gov.vn)*, Cổng thông tin điện tử Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tỉnh Trà Vinh *(tại địa chỉ* [*https://doanhnghiep.travinh.gov.vn*](https://doanhnghiep.travinh.gov.vn)*)* và Trang thông tin điện tử của các Sở, ban ngành, địa phương nếu nhà đầu tư có đề nghị;

- Được xem xét, hỗ trợ giới thiệu thông tin, hình ảnh về nhà đầu tư và sản phẩm trong các ấn phẩm quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của tỉnh.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Các tổ chức, cá nhân cùng tham gia hoạt động trong hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch của tỉnh được tổ chức trong và ngoài nước.

+ Tác động tích cực: Tạo cơ chế rõ ràng để các tổ chức, cá nhân cùng tham gia các hoat động giới thiệu, quảng bá các dự án, sản phẩm của địa phương đến công động trong và ngoài nước.

+ Tác động tiêu cực: Không.

- Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách: Các cơ quan chuyên môn của tỉnh trực tiếp thực hiện công tác hỗ trợ nhà đầu tư.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh bố trí hàng năm; có sự đối ứng của các nhà đầu tư tham gia.00

**6. Chính sách 6: Hỗ trợ cung cấp thông tin, thành lập doanh nghiệp**

6.1. Xác định vấn đề bất cập:

Nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư là rất thiết để Nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư một dự án. Do đó, Nhà đầu tư rất cần cung cấp thông tin về môi trường đầu tư, kinh doanh, quy hoạch phát triển, ngành nghề, lĩnh vực, danh mục dự án kêu gọi, ưu đãi đầu tư; tiếp cận quỹ đất khi nghiên cứu, thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Việc Nhà đầu tư được hỗ trợ, tư vấn miễn phí về thủ tục thành lập doanh nghiệp, hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh, thủ tục về đất đai, thủ tục về xây dựng, thủ tục về môi trường và các thủ tục hành chính khác khi có nhu cầu là cần thiết.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Vấn đề cần giải quyết của chính sách là hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh để hỗ trợ nhà đầu tư trong việc thành lập doanh nghiệp.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nhà đầu tư được cung cấp miễn phí thông tin về môi trường đầu tư, kinh doanh, quy hoạch phát triển, ngành nghề, lĩnh vực, danh mục dự án kêu gọi, ưu đãi đầu tư; tiếp cận quỹ đất khi nghiên cứu, thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Nhà đầu tư được hỗ trợ, tư vấn miễn phí về thủ tục thành lập doanh nghiệp; hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh, thủ tục về đất đai, thủ tục về xây dựng, thủ tục về môi trường và các thủ tục hành chính khác khi có nhu cầu.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Nhà đầu tư trong và ngoài nước thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

+ Tác động tích cực: Tạo sự hài lòng cho Nhà đầu tư trong việc nghiên cứu và quyết định đầu tư dự án.

+ Tác động tiêu cực: Không.

- Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách: Các cơ quan chuyên môn của tỉnh trực tiếp thực hiện công tác hỗ trợ nhà đầu tư.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Kinh phí thực hiện chính sách: Không có.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Lấy ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá tác động này, thông qua các phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý như sau:

**1. Lấy ý kiến:**

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân có liên quan **trong thời gian 30 ngày**.

- Gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan **trong thời gian 10 ngày làm việc**.

**2. Phản hồi ý kiến góp ý:**

- Phản hồi ý kiến góp ý qua hộp thư điện tử: ……………... Điện thoại: …………….

- Phản hồi ý kiến góp ý bằng văn bản về địa chỉ: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Số 89, đường Lê Lợi, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Phản hồi ý kiến góp ý tại các cuộc hội thảo (bằng văn bản hoặc ý kiến phát biểu trực tiếp) được ghi nhận và lập thành biên bản theo quy định.

**3. Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý:**

Toàn bộ các ý kiến góp ý phản hồi qua hộp thư điện tử, văn bản và đóng góp trực tiếp sẽ được Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, lập thành báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý theo quy định.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách:**

Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn là những cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách.

**2. Cơ quan giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách**

Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh;  - Thành viên Tổ 275;  - GĐ; các PGĐ Sở;  - Lưu: VT, THKTKG.ĐL | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Lâm Hữu Phúc** |